TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠCH HÀ** **TỈNH HÀ TĨNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**
Số: 85/2019/QĐST-HNGĐ	*Thạch Hà, ngày 12 tháng 9 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 90 /2019/TLST- HNGĐ, ngày 19 tháng 8 năm 2019 giữa:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Trần V, sinh năm 1986; Địa chỉ: Khối phố 4, phường T, Tp H, tỉnh Hà Tĩnh

Bị đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm 1990; Địa chỉ: Xóm M, xã T, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh

Căn cứ vào các Điều 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 55, 57 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 274, 280 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ khoản 4 điều 147 BLTTDS; điểm a, d khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 04 tháng 9 năm 2019

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 04 tháng 9 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Trần V và chị Trần Thị T

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về con chung:* Hai đương sự không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung*: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về các vấn đề khác*: Hai bên đương sự tự thỏa thuận và thống nhất đề nghị Tòa án ghi nhận nội dung thỏa thuận tại văn bản lập ngày 16/8/2019 vào quyết định

ly hôn với nội dung cụ thể như sau: anh Nguyễn Trần V có nghĩa vụ hỗ trợ, thanh toán cho chị Trần Thị T chi phí tàu xe đi về giải quyết việc hôn nhân gia đình giữa hai bên, với số tiền là 8.500.000đ (Tám triệu năm trăm nghìn đồng). Thời hạn thanh toán được chia làm hai lần: lần một vào ngày 30/9/2019 với số tiền 4.500.000đ (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng); lần hai vào ngày 30/12/2019 với số tiền 4.000.000đ (Bốn triệu đồng chẵn). Hình thức thanh toán: Anh V sẽ trực tiếp chuyển tiền cho chị T vào số tài khoản: 19033743009017 thuộc Ngân hàng Sacombank, chi nhánh Hà Tĩnh (chủ tài khoản mang tên Trần Thị H là em gái ruột của chị Trần Thị T).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành thì phải trả lãi theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy địnhtại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- *Về án phí*: Anh Nguyễn Trần V tự nguyện nộp 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền án phí thuận tình ly hôn sơ thẩm, được trừ trong số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí anh V đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0003430, ngày 19/8/2019. Trả lại 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thành Nhân

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND huyện Thạch Hà;
- Chi cục THADS huyện Thạch Hà;
- UBND phường T,
Thành phố Hà Tĩnh(để xóa đăng ký);
- Các đương sự;
- Văn phòng Tòa án(để công bố)
- Lưu HSVA.